

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC MỸ SƠN

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty CP tư vấn xây dựng thương mại Phúc Mỹ Sơn

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố thông tin năng lực phòng thí nghiệm

I. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

- **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC MỸ SƠN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số: 0303282829 đăng ký lần đầu ngày 14/05/2004 đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 05 tháng 06 năm 2023.
- Địa chỉ: 28 Đường số 16, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028.35114395 Email: phucmyson@gmail.com
- MST: 0303282829

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

- **Phòng thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình xây dựng – Địa điểm kinh doanh công ty cổ phần tư vấn xây dựng thương mại Phúc Mỹ Sơn**
- Mã số địa điểm kinh doanh : 00001
- Đăng ký lần đầu : 19/09/2025

- Địa chỉ PTN : 5D/5 Khu phố Đồng An 1, Phường Bình Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.35114395 - Email: lasxdhcm017.pms@gmail.com

3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường: không
4. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*)
5. Danh mục các máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*)
6. Danh mục các thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- **Giao Trưởng Phòng: Phòng thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình xây dựng – Địa điểm kinh doanh công ty cổ phần tư vấn xây dựng thương mại Phúc Mỹ Sơn** thực hiện việc công khai thông tin nêu trên trên Trang/Cổng thông tin điện tử của Công ty.
- Đồng thời gửi thông tin công bố đến Sở Xây dựng nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có) để đăng tải theo quy định.
- Các thông tin công bố phải đảm bảo đầy đủ, trung thực và chính xác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bộ phận, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi gửi :

- Như điều 2;
- Lưu – U(02b).



Hoàng Thị Thu Thảo

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(Theo quyết định số: 33 /QĐ/PMS ngày 30 tháng 06 năm 2026)

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
I.	THỬ NGHIỆM XI MĂNG		
1.	Xác định độ mịn bằng phương pháp sàng, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188 – 25, ASTM C430-25 ; AASHTO T133 - 22, ASHTO T192 - 23	Sàng (kích thước mắt 0,09; 0.08; 0.045mm), cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy 300 ⁰ C/1 ⁰ C, Bình khối lượng riêng cổ cao, bể điều nhiệt
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M -24	Máy nén hiệu TYA-300 300kN/0,01 số : 250803, tủ dưỡng mẫu xi măng model: YH-40B
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; ASTM C187 - 23, ASTM C191-21; AASHTO T131 - 23	Máy trộn vữa, bộ dụng cụ Vicat bao gồm kim xuyên độ dẻo tiêu chuẩn (10,00 ± 0,05) mm, kim xuyên bắt đầu đông kết (1,13 ± 0,05) mm, kim xuyên kết thúc đông kết có gắn sẵn vòng nhỏ có đường kính khoảng 5 mm (chảo trộn, bay trộn hồ, cân đĩa từ 30kg /5g, ống đồng, đồng hồ bấm giây.
4.	Xác định hàm lượng mất khi nung, cặn không tan, MgO, SO ₃	TCVN 141:2023, TCVN 6820:2015; ASTM C114-24	Lò nung 1200 ⁰ C/ model: SX2.5 - 12, số : 250809 , cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, bút đo pH, tủ hút, chén sứ, bếp điện, bếp cách cát, bình hút ẩm, bình định mức, pipet, Buret, giấy lọc, ống đồng, cối chày đồng, sàng 0,15mm, hóa chất : ZnO; (HNO ₃); (HF), Axêton, nước cất; HCl đậm đặc; NaOH; H ₄ NO ₃ , H ₃ P ₀₄ , NH ₄ OH; H ₂ S ₀₄ , CH ₃ COOH, NaOH, KOH; BaCl ₂ , NaF, AgN ₀₃ , Zinc; ZnSO ₄ .7H ₂ O.
5.	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068 :2020;	Dụng cụ thí nghiệm giãn nở

		ASTM C452/C452M-25	sunfat , đồng hồ so 0.001mm, Khuôn tạo mẫu kích thước : 25 mm x 25 mm x 285 mm, Máy trộn vữa xi măng : JJ-5, cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, ống đong 500ml, dao thép gạt mẫu dài 200mm
6.	Xác định độ giãn nở thanh vữa trong môi trường sunfat	TCVN 7713:2007; ASTM C1012/C1012M-24	Thiết bị đo độ co ngót, bao gồm (giá đỡ, đồng hồ so 0,001mm và thanh chuẩn), khuôn tạo mẫu kích thước: (25 mm x 25 mm x 285 mm), máy trộn vữa xi măng, cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, ống đong 500ml, hóa chất Natri sunfat (Na_2SO_4), (Mg_2SO_4).
II. THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
7.	Thí nghiệm lựa chọn thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
8.	Thí nghiệm lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
9.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-25a; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
10.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143/C143M- 20 AASHTO T119M/T119 - 23 BS EN 12350-2 : 2019	Côn thử độ sụt + tấm đế , que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 500mm, đồng hồ bấm giây.
11.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông sau khi đầm chặt	TCVN 3108:1993 ASTM C138/138M - 24a AASHTO T121M/T121-24	Thùng kim loại 5l, 10l,20l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm

		BS EN 12350-6 : 2019	đầu múp tròn, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g , dao thép gạt mẫu, búa cao su
12.	Phương pháp phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, tủ sấy 300 ⁰ c (±1 °C), sàng 5mm ;1.25mm, 0.15mm, bay xẻng xúc
13.	Xác định hàm lượng bọt khí phương pháp áp suất	TCVN 3111: 2022 ASTM C173/C173M- 24a; ASTM C231/C231M -25 ;	Bình bọt khí, que chọc, cây gạt mẫu, búa cao su
14.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022 ASTM C642-21 BS EN 12390-7:2019	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300 ⁰ c (±1 °C), sàng 5mm ;1.25,0.125mm , nước cất, bình hút ẩm.
15.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022 ; ASTM C642 - 21	cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B; thùng ngâm mẫu, tủ sấy 300 ⁰ c (±1 °C), khăn lau, bàn chải, đá mài.
16.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm HP -4 đồng hồ áp (0-4MPa) số : 241131, bàn chải sắt, paraffin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.
17.	Xác định chiều sâu thấm dưới áp lực nước	BS EN 12390 - 8 : 2019	Máy thử độ chống thấm Model: HP-4 số : 241131, bàn chải sắt, paraffin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.
18.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M-24 AASHTO T22M/T22-22 BS EN 12390-3:2019	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), số : 2312760 thước lá kim loại, đệm truyền tải
19.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293/C293M-16; BS EN 12390-5 : 2019	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN, d= 0.01 kN) số : 2312750, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa
20.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496/C496M-17; AASHTO T198-22	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN) số : 2312760, giá ép chữ
21.	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012;	Khuôn bê tông 3 khuôn 150x150x150mm, dụng cụ thử

		ASTM C403/C403M-23; AASHTO T197M/T197-23	độ ninh kết bê tông và kim xuyên, đồng hồ bấm giây, ống pipet 5ml
III.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẦM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC		
22.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...
23.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM136/C136M - 25; AASHTO T27 - 24; BS EN 933-1 : 2012	cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng 50;37.5;25;19;16;12.5;9.5;4.7 5;2.36;1.18;0.425; 5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm); tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C
24.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C128 - 22; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22; BS EN 1097 -6 : 2022	Bình khối lượng riêng, cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, bình hút âm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm
25.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 AASHTO T85 - 22	cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C.
26.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29/C29M-23 ; AASHTO T19M/T19 -22; BS EN 1097 -3:1998	Thùng đóng, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C, thước lá kim loại.
27.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 - 19 ; ASHTO T255 - 25	cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC -HL5202B, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, hộp đựng mẫu.
28.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117-23 ASTM C142/C142M- 17(2023) ;AASHTO T112-	cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.

		23;BS EN 933-1:2012	
29.	Xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.
30.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012 - 23	Máy thử nén model: TYA- 2000kN/0.1kN số : 2312760, máy khoan, Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu.
31.	Xác định độ nén đập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA- 2000kN/0.1kN số : 2312760, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g , sàng tiêu chuẩn 5mm;2.5mm;1,25mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu.
32.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131/C131M – 20; AASHTO T96-22	Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g , sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, máy quay mài mòn Los Angeles.
33.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791-19(2023) BS EN 933-3:2012 BS EN 933-4:2009	Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C
34.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, lò nung 1200 ⁰ C/ 1 ⁰ C, cối chày đồng, Bình phản ứng bằng thép không rỉ.
35.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN7572-15:2006	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC- HL5202B và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn 0.14mm, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa

			chất HCL, HF, NaOH,
36.	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Thùng đóng (D154±2mm, cao 160±2mm), Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, tủ sấy 300°C (±1 °C) có điều chỉnh nhiệt độ, thước lá kim loại, thước gạt mẫu dài 300mm, sàng kích thước 5mm
37.	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300°C/1°C, lò nung 1200°C/ 1°C, cối chày đồng, bếp điện , sàng 5mm, bình định mức 1000ml, cốc, nén nung, hóa chất chỉ thị bari clorua, mety đỏ .
38.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300°C/1°C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.
39.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC -HL5202B, kính lúp
40.	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300°C (±1 °C), lò nung 1000° c, búa, cối chày, bếp điện, bình định mức, chén sứ, chần bạch kim, giấy lọc, nước cất, hóa chất NaOH, HCl đặc, AgNO ₃
41.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300°C/1°C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám , đĩa thủy tinh.
42.	Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat hoặc magesi sunfat	TCVN 7572-22:2018 ASTM C88/C88M-24 AASHTO T104-22	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến 300°C/1°C, thau đựng mẫu ngâm hóa chất, thuốc thử....
43.	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754 : 2023	Tủ sấy đến 300°C/1°C, sàng 5mm, ống đóng 1000ml, đĩa

			thủy tinh, dung dịch axit clohydric, cốc thủy tinh 2000ml.
44.	Xác định hệ số đương lượng cát ES	ASTM D2419-22; AASHTO T176 -22	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, que thủy tinh, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C ;Ống đong 1000ml, bộ sàng tiêu chuẩn, thuốc thử,...
45.	Xác định hàm lượng hạt nhẹ	ASTM C123/C123M-23 AASHTO T113- 22	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, que thủy tinh, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bộ sàng tiêu chuẩn, hóa chất
46.	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 9205: 2012; ASTM C117 - 23; AASHTO T11 – 24 TCVN 14135-4 : 2024	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model :BDC - HL5202B, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, sàng tiêu chuẩn 0.075mm
IV. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG			
47.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa
48.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bếp cách cát, chất phân tán hạt
49.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)
50.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C
51.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến

			300 ⁰ C/1 ⁰ C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.
52.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, Cân điện tử HAW-30C+ 30kg/5g, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm
53.	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 ⁰ C), bình hút ẩm.
54.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22, AASHTO T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, Cân điện tử HAW-30C + 30kg/5g, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm
55.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất bằng phương pháp lò nung	AASHTO T267-22; ASTM D2974-25	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, lò nung 1200 ⁰ C/1 ⁰ C, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử Dung dịch Hydroperoxit (H ₂ O ₂) nồng độ 10 % đến 15 %.
56.	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất	TCVN 8724:2012	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của đất
57.	Xác định hàm lượng muối dễ hòa tan.	TCVN 8727:2012 TCVN 9436:2012 (phụ lục D)	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, lò nung 1200 ⁰ C/1 ⁰ C, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử Dung dịch Hydroperoxit (H ₂ O ₂) nồng độ

			10 % đến 15 %.
58.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300°C/1°C, cối đầm tiêu chuẩn, sàng 2.5mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây...
v.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN		
59.	Thử kéo (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 197-1:2014 ASTM A370 -24a ASTM E8/E8M-24 JIS Z2241:2022 AASHTO T68M/T68 - 09	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, bộ ngàm kéo, cân kỹ thuật 30kg/5g, thước thép 1000mm.
60.	Thử uốn (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 198:2008 TCVN 7937 -1 :2013 TCVN 7937 -2 :2013 TCVN 7937 -3 :2013 ASTM A370 -24a JIS Z2248:2022	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, bộ gối uốn
61.	Đo các đặc trưng hình học và xác định sai lệch khối lượng danh nghĩa một mét dài (thanh, dây và sợi làm cốt, thép dự ứng lực)	TCVN 7937 -1 :2013 TCVN 7937 -3 :2013	Thước thép 1000mm, thước kẹp điện tử 150mm/0.01mm
62.	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190 -21	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm
63.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước thép 1000mm
64.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước thép 1000mm
65.	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824:1993	Máy thử kéo – nén WA-

		ASTM A370 -24a	1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước thép 1000mm
66.	Thử cấp độ bền kéo bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370-24a, ASTM F606/F606M-25	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm; bộ chuông kéo bu lông
67.	Thử cấp thép dự ứng lực	ASTM A1061/A1061M-20ae1	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm; thước thép 1000mm, ngàm kẹp kéo
68.	Thử nghiệm thép thanh cốt bê tông - thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ gối uốn
69.	Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống kim loại	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24a	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ ngàm kéo
70.	Thử kéo, thử uốn mối hàn lưới kim loại	TCVN 7937-2:2013, TCVN 197-1:2014	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ ngàm kéo + uốn
71.	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 13711-2:2023; TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24a	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2312750, ngàm kẹp kéo , thước thép 1000mm.
VI.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY, VỮA RÓT KHÔNG CO NGÓT, VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC		
72.	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bộ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm; 0,14mm
73.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437-20	Bàn dẫn thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép, chảo sắt, xẻng con, bay, khuôn hình côn đường kính đáy lớn

			100mm, đáy nhỏ 75mm, cao 60mm, dày 2mm.
74.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Bình đong 1000ml, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B
75.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 3121-9:2022, TCVN 11971:2018; ASTM C953-24	Máy trộn vữa, bộ dụng cụ Vicat bao gồm kim xuyên độ dẻo tiêu chuẩn ($10,00 \pm 0,05$) mm, kim xuyên bắt đầu đông kết ($1,13 \pm 0,05$) mm, kim xuyên kết thúc đông kết có gắn sẵn vòng nhỏ có đường kính khoảng 5 mm (chảo trộn, bay trộn hồ, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g
76.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300°C ($\pm 1^{\circ}\text{C}$), thước kẹp điện tử 300mm/0.2
77.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022, ASTM C109/C109M-24; ASTM C942/C942M-21; ASTM C348-21, ASTM C349-24; AASHTO T 106M/T 106 - 22	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN số : 250803, gối uốn, gối nén
78.	Xác định độ hút nước	TCVN 3121-18:2022	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300°C ($\pm 1^{\circ}\text{C}$), đồng hồ bấm dây, tủ dưỡng ẩm
VII. THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
79.	Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát bằng mắt
80.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g ,Tủ sấy 300°C ($\pm 1^{\circ}\text{C}$), lò nung 1000°C , bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.
81.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Tủ sấy 300°C ($\pm 1^{\circ}\text{C}$), lò nung 1200°C , bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro,

			phễu lọc.
82.	Độ pH của nước	TCVN 6492:2011; ASTM D1293 - 18	Bút thử pH (HANNA HI98107 (0-14pH), độ chính xác $\pm 0,1$ pH) hay máy xác định độ pH, dung dịch chuẩn độ Ph trước khi đo
83.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Clo)	TCVN 6194:1996	Phễu lọc thủy tinh 30ml, Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị kali cromat, HCl, NaOH, CaCO ₃ hoặc NaHCO ₃
84.	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200 :1996 ASTM D516 - 22	Phễu lọc thủy tinh 30ml, Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị metyl da cam, HN03, NaOH, C ₂ H ₅ OH Na ₂ CO ₃
85.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Ống nghiệm có chiều dài từ 150÷200mm, bình đong dung tích 100ml và 1000ml, Buret dung tích 5ml, 10ml.
VIII. THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
86.	Xác định khối lượng thể tích của đất, độ chặt đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, ASTM D2937 -24	Dao dai tròn bằng thép, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g , dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, tủ sấy 300 ⁰ C/1oC
87.	Xác định khối lượng thể tích của đất, độ chặt đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14 (2022) 22 TCN 346 : 2006 ASTM D1556/D1556M-24	Phễu rót cát, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B ,bếp ga, tủ sấy 300 ⁰ C/1 ⁰ C
88.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nêm đo khe hở, cọ quét
89.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-15(2024)	Bộ đo nhám mặt đường
90.	Xác định cường độ nén bằng súng bặt nẩy	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M -25	Thiết bị thử độ cứng bê tông Model : ZC3 - A

91.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp đất model: KYORITSU 4105A
92.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-20	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN số : 250803, Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, máy khoan.
93.	Xác định chiều dày lớp phủ bằng phương pháp từ	TCVN 9406 -2012, TCVN 5878: 2007	Máy đo chiều dày lớp phủ model: WH82
IX.	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG		
94.	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2024	Hộp đựng mẫu có nắp, bình hút ẩm, pipet 5 ml, tủ sấy 300 ⁰ C (±1 ⁰ C) , cát tiêu chuẩn, Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B
95.	Xác định hàm lượng tro	TCVN 8826:2024	Bình hút ẩm, bếp cách thủy, lò nung 1000 ⁰ c, Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g
96.	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:2024	Ổng hình trụ 500 ml, tỉ trọng kế số : AMAH801060 thang đo (1,000-1,2000); vạch chia 0.002g/cm ³
97.	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012	Bút đo Ph , độ chính xác ± 0,1pH), dung dịch chuẩn trước khi đo
X.	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG		
98.	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước lá.
99.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN số : 250803, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm
100.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN số : 250803, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm
101.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B ,tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...
102.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thước lá

			kim loại...
103.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B ,thùng chứa mẫu, tấm kính, cát .
XI.	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG		
104.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước lá.
105.	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g thùng chứa mẫu, tấm kính, cát ...
106.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy thử nén model: TYA- 2000kN/0.1kN,số : 2312760, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm
107.	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử độ thấm và bể ngâm mẫu, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g
108.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, thùng ngâm mẫu...
XII.	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
109.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước lá.
110.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Máy thử nén model: TYA- 2000kN/0.1kN số : 2312760, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm
111.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-4:2009	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, thùng ngâm mẫu...

DANH MỤC CÁC MÁY MÓC, THIẾT BỊ
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(Theo quyết định số: 33 /QĐ/PMS ngày 30 tháng 06 năm 2026)

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
I	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA XI MĂNG, BỘT BẢ TƯỜNG							
1	Bàn dẫn đúc mẫu xi măng	Máy	1	Model : ZS-15 Serial :240393	China	VP PTN	2025	Hoạt động
2	Sàng D300 0.09; 0.08;0.045mm	cái	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động
3	Thùng lược mẫu xác định độ ổn định thể tích xi măng	cái	1	Model : FZ -31A Serial : 196	Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
4	Bộ vicat & đông kết xi măng	bộ	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
5	Máy trộn vữa XM JJ-5	Máy	1	Model : FY-681 Serial :2312018	China	VP PTN	2025	Hoạt động
6	Khuôn đúc mẫu XM 50x50x50mm	Khuôn	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
7	Khuôn đúc mẫu XM 40x40x160mm	Khuôn	1		Việt Nam	VP PTN	2021	Hoạt động
8	Gối nén vữa	cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
9	Gối uốn vữa	cái	1		Việt Nam	VP PTN	2021	Hoạt động
10	Khuôn xác định thời gian đông kết xi măng	Khuôn	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
11	Khuôn le chartelier đúc mẫu xi măng	Khuôn	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động
12	Bình xác định khối lượng riêng cổ cao 250ml	Bình	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
13	Khuôn đo giãn nở sun phát 25 mm x 25 mm x 285 mm	cái	3		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
14	Thiết bị đo độ co ngót, bao gồm (giá đỡ, đồng hồ so (0- 12.7)mm/ 0,001mm và thanh chuẩn)	bộ	1	Model : BC 156 -300	China	VP PTN	2025	Hoạt động
15	Tủ dưỡng hệ xi măng kiểu : YH -40B	Tủ	1	Model : YH-40B, Serial : 250856	China	VP PTN	2025	Hoạt động
16	Bình hút ẩm D300 có vòi	Bình	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
17	Lò nung 1200 ⁰ c model : SX 2.5 - 12	Cái	1	Model: SX 2.5 - 12; phạm vi đo (0-1200 ⁰ c), serial: 250809	China	VP PTN	2025	Hoạt động
18	Tủ sấy Model : 101-2A	Cái	1	Model : 101-2A; phạm vi đo (+10-300 ⁰ c), d=±1 ⁰ c, serial: 2507251158	China	VP PTN	2025	Hoạt động
19	Bàn dẫn quay tay	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
20	Máy nén bê tông TYA - 300	Máy	1	Model : TYA -300; Thang đo 1: (0-300kN), d= 0.01kN; Serial : 250803	China	VP PTN	2025	Hoạt động
II THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG								
21	Máy nén bê tông TYA - 2000	Máy	1	Model : TYA -2000; Thang đo 1: (0-999kN), d= 0.01kN; Thang đo 2: (1000-2000kN), d= 0.1kN ; Serial : 2312760	SENXIN	VP PTN	2023	Hoạt động
22	Máy trộn bê tông (250 lít)	Máy	1	Model : CT250T	Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
23	Bộ thử độ sụt bê tông Tầm để + que chọc	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
24	Khuôn bê tông 150x150x150	Khuôn	10		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
25	Khuôn mẫu trụ 150x300, nhựa	Khuôn	10		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
25	Khuôn ép chẻ bê tông mẫu trụ 150x300	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
26	Bộ gối uốn bê tông 4 điểm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
27	Thiết bị xác định hàm lượng bọt khí bê tông 7 lít	Bộ	1	Model : HC -7L	China	VP PTN	2025	Hoạt động
28	Thiết bị xác định thời gian đông kết bê tông	Bộ	1	Model : ZC-1A, số : 390922	China	VP PTN	2025	Hoạt động
29	Máy thử thấm bê tông + bộ gá thấm	Máy	1	Model : HP-4; Serial : 241131	China	VP PTN	2025	Hoạt động
30	Thiết bị thử cường độ cứng bê tông	Máy	1	Số : 6770825	China	VP PTN	2025	Hoạt động

III THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

31	Bộ côn thử độ ẩm cốt liệu	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
32	Bảng so màu tiêu chuẩn cốt liệu	Bảng	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
33	Giò cân thủy tĩnh	Cái	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
34	Bình xác định khối lượng riêng	Bộ	2		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
34	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp cát 1 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
34	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 5 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
35	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 10 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
36	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 20 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
37	Bộ đo góc cạnh cốt liệu thô	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
38	Bộ bình phản ứng kiềm silic	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
39	Thước kẹp cái tiến đo thoi dẹt 200mm/0.02	cây	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
40	Bộ sàng cốt liệu lớn (đá bê tông): D300 ;40;20;15;10;5mm (đáy + nắp)	Bộ	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
41	Bộ sàng cốt liệu nhỏ (sàng cát) : D300 ;5;2.5;1.25;0.63;0.315;0.14mm (đáy + nắp)	Bộ	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
42	Bộ sàng cốt liệu lớn cấp phối đá dăm và sỏi đỏ : D300 : 50;37.5;25;19;9.5;4.75;2.36;1.7; 0.425;0.075mm (đáy + nắp)	Bộ	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
43	Khuôn nén dập xi lanh D75mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
44	Khuôn nén dập xi lanh D150mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
45	Máy mài mòn Los Angeles	Máy	1	Model : 25008	Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
46	Máy lắc sàng D300	Máy	1	Model : 8411	Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
47	Ổng đong 1 lít	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
48	Thùng rửa bụi bùn sét cát	Máy	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
49	Thùng rửa bụi bùn sét đá	Cái	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
50	Bộ lắc xác định đương lượng cát	Cái	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
IV	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CÁC LOẠI GẠCH BÊ TÔNG VÀ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG							
51	Bộ giá thử thấm gạch Block bê tông nhỏ và lớn	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
52	Bộ gá uốn gạch ốp lát + đá granite dùng chung	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
53	Bộ giá uốn gạch đất sét nung và không nung	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
54	Bộ gá nén gạch Block bê tông 400x200mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
55	Bộ gá nén gạch bê tông tự chèn 60x120mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
V	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN							
56	Máy kéo nén 1000kN + bộ máy tính , Model : WA - 1000B	Máy	1	Model : WA - 1000B, phạm vi đo (0-1000kN) d= 0,01kN Serial : 2312750	China	VP PTN	2024	Hoạt động
57	Ngàm kéo thép	Bộ	6	D0-40mm; D14-32mm; D32-45mm	China	VP PTN	2024	Hoạt động
58	Bộ ngàm uốn thép các loại + đầu búa uốn	Bộ	12	Φ24,30;32;36;40;42;48;50;56; 60;64;70;80;108;120;132;150; 168;192	China	VP PTN	2024	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NOI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
59	Ngàm kéo bulong + chuông	Bộ	7	D10;12;16;20;24;30;32,42mm	China	VP PTN	2025	Hoạt động
60	Ngàm kéo cáp 12.7mm	Bộ	1	D12.7mm	China	VP PTN	2025	Hoạt động
61	Ngàm kéo cáp 15.2mm	Bộ	1	D15.2mm	China	VP PTN	2025	Hoạt động
VI	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM							
62	Cối proctor cải tiến + chày 4.5kg	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
63	Cối proctor tiêu chuẩn + chày 2.5kg	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
64	Cối proctor bổ đôi	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
65	Thiết bị xác định giới hạn chảy của đất	cái	1	Model: MLL1	China	VP PTN	2025	Hoạt động
66	Kính 8 ly trắng 300mm vuông	cái	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
67	Bộ thí nghiệm góc nghi của vật liệu rời	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
68	Vòng định dạng mẫu đất - dùng cho máy thí nghiệm cắt đất (D61.8*20mm), hàng mới 100 bộ phận của Máy thí nghiệm đất	cái	3		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
69	Bình đo tỷ trọng 100ml TQ	Cái	6		China	VP PTN	2025	Hoạt động
70	Bộ Khuôn CBR	Cái	3		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
71	Tỷ trọng kế xác định thành phần hạt đất loại A : -5-60g/l	Cây	1	Phạm vi đo : -5-60g/l Model : HUMH4241	Humbot - Mỹ	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NOI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
72	Tỷ trọng kế xác định thành phần hạt đất loại B : 0.995 - 1.038g/cm ³	Cây	1	Phạm vi đo : 0.995-1.038g/cm ³ Model : HUMH4242	Humbot - Mỹ	VP PTN	2025	Hoạt động
73	Bộ sàng thành phần hạt đất D300mm : 10;5;2;1;0.5;0.25;0.1 +đáy + nắp	Cái	7		China	VP PTN	2025	Hoạt động

VII THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

74	Bộ phễu rót cát + tấm đế bình inox	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
75	Bộ dao vòng + cây dẫn hướng	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	2025	Hoạt động
76	Thiên phân kế 10/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm; kiểu :	China	VP PTN	2025	Hoạt động
77	Thiên phân kế 10/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm; kiểu :	China	VP PTN	2025	Hoạt động
78	Thiên phân kế 10/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm; kiểu :	China	VP PTN	2025	Hoạt động
79	Thiên phân kế 50/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm; kiểu : Shock proof, số : KPT498	China	VP PTN	2025	Hoạt động
80	Thiên phân kế 50/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm; kiểu : Shock proof, số : KPT443	China	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
81	Thiên phân ké 50/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm; kiểu : Shock proof, số : KPT492	China	VP PTN	2025	Hoạt động
82	Máy khoan bê tông+ ống khoan+ mũi khoan	Máy	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
83	Máy đo chiều dày lớp phủ kim loại, lớp sơn	Máy	1	Model: WH82 serial : 8200210965	China	VP PTN	2025	Hoạt động
84	Thước 3m + nem đo khe hở mặt đường	Bộ	1	Model: JZC-3; KT : 3000x50x25mm	China	VP PTN	2025	Hoạt động
85	Bộ dụng cụ đo độ nhám	Bộ	1			VP PTN	2025	Hoạt động
86	Máy đo điện trở đất KYORITSU 4105A	Bộ	1	Model: KYORITSU 4105A (2000 Ω, 200VAC) serial : E8525318	VICTOR	VP PTN	2025	Hoạt động
VIII THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM PHỤ GIA BÊ TÔNG VÀ NƯỚC								
87	Bút đo Ph Thang đo : 0.0 to 14.0 Ph	Cây	1	Model : HI98107 Số : HA09120031	Hanna	VP PTN	2025	Hoạt động
88	Tỷ trọng ké 1.000-1.200, chia vạch 0.002g/cm ³	Cây	1	Model : AMARELL Số : AMAH801364	Đức	VP PTN	2025	Hoạt động
IX THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG								
89	Lò nung 1200 ⁰ c Model: SX 2.5 - 12	Cái	1	Model: SX 2.5 - 12; phạm vi đo (0-1200 ⁰ c), serial:	China	VP PTN	2025	Hoạt động
90	Tủ sấy Model : 101-2A	Cái	1	Model : 101-2A; phạm vi đo (0-300 ⁰ c), serial:	China	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
91	Thước kẹp cái tiến đo thoi dẹt 200mm/0.02	cây	1	Phạm vi đo (0- 200) mm/0.02mm Model : 6670425	China	VP PTN	2025	Hoạt động
92	Cân điện tử 5200g/0.01g, Model : BDC - HL5202B	Cái	1	Model : BDC - HL5202B Mức cân lớn nhất : 5000g/0.01g; số : HK-S2025958531	China	VP PTN	2025	Hoạt động
93	Cân điện tử HAW- 30C + 30kg/5g	Cái	1	Model : HAW -30C+ Mức cân lớn nhất : 30Kg/5g; Số : Sn20252311	China	VP PTN	2025	Hoạt động
94	Cân điện tử FPA214	Cái	1	Model : FPA214, Mức cân lớn nhất : 210g/0.0001g; Số :A2509126	China	VP PTN	2025	Hoạt động
95	Thước lá 500mm	cây	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
96	Thước lá 1000mm	cây	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
97	Bút đo nhiệt đo điện tử 300 ⁰ c	cây	1	Model : ST-9212B Phạm vi đo (-50÷300 ⁰ c) Serial :	China	VP PTN	2025	Hoạt động
98	Máy khoan lõi bê tông	máy	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
99	Thước kẹp điện tử 150mm/0.01mm	cây	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
X	THIẾT BỊ VÀ PHỤ KIỆN LÀM THÀNH PHẦN HÓA HỌC VÀ HÓA CHẤT CƠ BẢN							
100	Bình định mức (thủy tinh) 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
101	Bình định mức (thủy tinh) 50ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
102	Bình tam giác (thủy tinh) 50ml, miệng rộng One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
103	Ống đong thủy tinh 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
104	Cốc thủy tinh 1000ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
105	Cốc thủy tinh hình trụ 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
106	Cốc thủy tinh hình trụ 100ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
107	Bình tam giác (thủy tinh) 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động
108	Bình tam giác (thủy tinh) 500ml One lab - Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động
109	Bình tam giác (thủy tinh) 1000ml One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
110	Bình tam giác (thủy tinh) 2000ml Bomex - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
111	Ống đong, thủy tinh hình trụ 1000ml Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
112	Ống đong thủy tinh hình trụ 500ml Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
113	Đũa Thủy tinh F7*300mm One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
114	Phễu thủy tinh F100mm One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
115	Phễu thủy tinh F60mm One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
116	Bình hút ẩm có vòi, đường kính 300mm Dinlab – Trung Quốc	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
117	Chai trắng MR 1000ml / ONELAB One lab - Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động
118	Buret thủy tinh trắng khóa PTFE 50ML/0.1 Dinlab –Trung quốc	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
119	Bộ chân giá lớn Đế 18*26cm +Cọc dài 70cm Việt Nam	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
120	Kẹp Buret đôi VN	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
121	Chai thủy tinh nhỏ giọt màu nâu (125ml) One lab - Trung Quốc	Chai	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động
122	Giấy lọc định tính phi 110mm Newstar - Trung quốc Chậm = Trung = Nhanh	Hộp	3		China	VP PTN	2025	Hoạt động

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	NĂM ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG
123	Giấy lọc định lượng phi 110mm Newstar -Trung Quốc	Hộp	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
124	Quả bóp cao su Việt Nam	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động
125	Pipet thủy tinh 5ml Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
126	Pipet thủy tinh 10ml Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN	2025	Hoạt động
127	Ống hút pasteur nhựa 3ml Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
128	Bát sứ có mỏ 125ml Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
129	Bát sứ có mỏ 150ml Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN	2025	Hoạt động
130	Chén sứ 40ml kèm nắp Trung Quốc	Cái	10		China	VP PTN	2025	Hoạt động
131	Máy khuấy từ gia nhiệt, Model: ARE 5, Velp	Cái	1		China	VP PTN	2025	Hoạt động

DANH MỤC CÁC THÍ NGHIỆM VIÊN
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(Theo quyết định số: /QĐ/PMS ngày 02 tháng 03 năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM							
1.	Phan Khánh Duy	2001	Nam	Đại học	1	1. Bảng kỹ sư kỹ thuật xây dựng số : 30028717 cấp ngày 31/12/2024 do trường ĐH Tôn Đức Thắng . 2. Chứng nhận quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số : 1177/8816/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 05/11/2025 do Trường ĐH công nghệ giao thông vận tải cấp.	1. Hỗ trợ công tác quản lý nhân sự và quản lý phòng thí nghiệm. 2. Phân công việc cho các thí nghiệm viên 3. Kiểm soát số liệu hồ sơ, xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm
NHAN VIEN PHÒNG THÍ NGHIỆM							
2.	Nguyễn Thị Hồng Hiếu	1995	Nữ	Đại học	6	1. Bảng nhân hóa học số 207433 cấp ngày 12/12/2014 trường ĐH GTVT TP.HCM cấp 2. Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất hóa học của nước cho xây dựng số 201812022/CC-TT8-N cấp 13/06/2022 do trung tâm kỹ thuật- An toàn & tiêu chuẩn 8 cấp.	1. Nhóm thí nghiệm phân tích nước xây dựng và vật liệu xây dựng cơ bản 2. Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
3.	Trương Thị Thủy Liễu	2000	Nữ	Đại học	3	- Bảng cử nhân quản lý xây dựng số : MBS60003063 cấp ngày 15/09/2022 do Trường ĐH mở TP.HCM cấp. - Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng) số 201792022/CC-TT8-N cấp 20/09/2022 do trung tâm kỹ thuật-An toàn & tiêu chuẩn 8 cấp - Chứng nhận thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình số : 1114/8812/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 05/11/2025 do Trường ĐH công nghệ giao thông vận tải cấp.	- Nhóm thử nghiệm kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm. - Nhóm thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý cốt liệu bê tông : Cát, đá, xi măng, phụ gia. - Nhóm sản phẩm bê tông, vữa xây dựng - Nhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường. - Nhóm sản phẩm về gạch các loại - Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan. - Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm.
4.	Đỗ Thị Trúc Xuân	1998	Nữ	Đại học	4	- Bảng kỹ sư kỹ thuật xây dựng số : 64/Q4.ĐHCQ.2021 cấp ngày 01/11/2021 do trường ĐH xây dựng Miền Tây cấp - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất cơ lý đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường số : 02721-A01903/VNĐ-TNV cấp ngày 23/02/2023 do Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đối cấp.	- Nhóm thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất trong phòng và hiện trường. - Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
5.	Nguyễn Ngọc Phát	2001	Nam	Đại học	6 tháng	1. Bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng số : 30030898 cấp ngày 27/06/2025 do trường ĐH Tôn Đức Thắng 2. Chứng nhận thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình số : 1116/8812/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 05/11/2025 do Trường ĐH công nghệ giao thông vận tải cấp.	1. Nhóm thử nghiệm kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm 2. Nhóm sản phẩm bê tông, phụ gia xi măng, vữa 3. Nhóm sản phẩm đất, cát, phụ gia, xi măng, đá dăm xây dựng 4. Nhóm sản phẩm về cốt liệu cho bê tông và vữa. 5. Nhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường. 6. Nhóm sản phẩm về gạch các loại 7. Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan. 8. Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm.